

Số: /BC-STC  
V/v báo cáo kết quả thực hiện  
công tác CCHC Quý I/2023

Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình

Căn cứ công văn số 371/SNV-CCHC ngày 03/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn chế độ báo cáo CCHC định kỳ, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính Quý I năm 2023 như sau:

## **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Về công tác chỉ đạo, điều hành Cải cách hành chính (CCHC)**

- Căn cứ Quyết định số 3553/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC tỉnh Quảng Bình năm 2023, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 4980/KH-STC ngày 28/12/2022 về thực hiện công tác CCHC của Sở năm 2023. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên, trong Quý I năm 2023, Sở Tài chính đã ban hành các văn bản sau<sup>1</sup>.

- Sở tiếp tục duy trì đội ngũ công chức làm đầu mối CCHC để thực hiện nhiệm vụ, theo dõi, tham mưu công tác CCHC theo quy định. Nghiêm túc tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh, Sở về công tác CCHC, kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người lao động.

- Tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2023:

Kế hoạch CCHC năm 2023 của Sở đề ra 33 nhiệm vụ cụ thể triển khai trên 06 lĩnh vực CCHC, đến nay đã hoàn thành 09 nhiệm vụ.

- Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao:

Quý I/2023, Sở được UBND tỉnh giao 40 nhiệm vụ, đã hoàn thành 22 nhiệm vụ, 18 nhiệm vụ đang thực hiện trong thời hạn.

### **2. Về kiểm tra công tác CCHC**

Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 556/KH-STC ngày 28/02/2023 về kiểm tra CCHC năm 2023, theo đó việc kiểm tra công tác CCHC được thực hiện đối với tất cả các phòng, đơn vị thuộc Sở trong quý III, IV năm 2023. Quý I/2023, Sở không có đơn thư khiếu nại về công tác CCHC; không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo đối với CBCCVC và người lao động của Sở.

<sup>1</sup> Kế hoạch số 4980/KH-STC ngày 28/12/2023 về CCHC năm 2023; Kế hoạch số 285/KH-STC ngày 01/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023; Kế hoạch số 556/KH-STC ngày 28/02/2023 về kiểm tra CCHC năm 2023; Kế hoạch số 325/KH-STC ngày 06/02/2023 về kiểm soát TTHC năm 2023; Kế hoạch số 4921/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2023; Kế hoạch số 4918/KH-STC ngày 26/12/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 4917/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác pháp chế năm 2023.

### **3. Về công tác tuyên truyền CCHC**

- Sở đã ban hành Kế hoạch số 285/KH-STC ngày 01/02/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023.

- Việc triển khai công tác tuyên truyền CCHC được thông qua các cuộc họp giao ban cốt cán, buổi sinh hoạt chi bộ, đăng tải các tin, bài... trên trang thông tin điện tử của Sở nhằm phổ biến, tuyên truyền cho toàn thể CBCCVV và người lao động trong cơ quan được biết và thực hiện các chỉ đạo theo đúng quy định trong thực hiện nhiệm vụ CCHC của cơ quan.

- Thường xuyên tuyên truyền đầy đủ, kịp thời đến toàn thể CBCCVV các văn bản QPPL đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung, các TTHC đã được đơn giản hóa, ban hành mới; tuyên truyền các giải pháp nhằm nâng cao chỉ số CCHC của Sở, của tỉnh; tuyên truyền các văn bản chỉ đạo về giải pháp cải thiện, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

## **II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG CÔNG TÁC CCHC**

### **1. Cải cách thể chế**

a) Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Sở đã phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu với UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở. Công tác tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL được Sở thực hiện đúng quy trình, quy định, đúng thẩm quyền; nội dung của các văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương. Quý I, Sở đã tham mưu UBND ban hành 01 văn bản QPPL.

b) Tình hình triển khai rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:

Sở đã ban hành Kế hoạch số 4921/KH-STC ngày 26/12/2022 về công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL năm 2023. Thường xuyên rà soát, hệ thống văn bản QPPL thuộc chức năng quản lý của ngành, phát hiện kịp thời các văn bản đã hết hạn hoặc hết hạn 1 phần từ đó đề xuất các cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, sửa đổi theo quy định. Quý I/2023, qua rà soát, chưa phát hiện văn bản QPPL nào trái luật, không đảm bảo quy định.

c) Việc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực thuộc quản lý của ngành: Sở Tài chính nghiêm túc triển khai các văn bản QPPL của Trung ương, UBND tỉnh tới toàn thể CBCCVV, người lao động.

d) Phổ biến, giáo dục pháp luật: Sở đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật: Công văn số 71/STC-VP ngày 06/01/2023 về việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 01/2023; Công văn số 342/STC-VP ngày 07/02/2023 về việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật tháng 02/2023; Công văn số 254/STC-VP ngày 30/01/2023 về thực hiện các nội dung tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2023.

## 2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

### a) Về rà soát TTHC:

Thực hiện Kế hoạch số 2023/KH-UBND ngày 31/10/2022 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Công văn số 2194/UBND-KSTT ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về việc đơn đốc triển khai Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước. Sở đã xây dựng Dự thảo Quyết định về việc công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình (lần đầu) gửi xin ý kiến góp ý của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 5010/STC-VP ngày 19/12/2022. Sau khi nhận được góp ý của Văn phòng UBND tỉnh tại công văn số 311/VPUBND-KSTT ngày 06/02/2023, Sở Tài chính đã hoàn thiện Dự thảo Quyết định về việc công bố TTHC nội bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Tài chính tỉnh Quảng Bình trình UBND tỉnh thẩm định ban hành.

### b) Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:

- Hiện nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính: 27 TTHC (01 TTHC đặc thù). Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện và Phòng TC-KH cấp huyện do Sở Tài chính tham mưu công bố: 21 TTHC.

- Tất cả các TTHC được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở, trên cổng dịch vụ công của tỉnh và tại Bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của cơ quan.

- Việc niêm yết các TTHC được Sở thực hiện nghiêm túc: Công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện TTHC... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân tìm hiểu, thực hiện thủ tục nhanh chóng

- Việc công khai địa chỉ, số điện thoại, hộp thư và kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC tại cơ quan thực hiện đảm bảo đúng theo quy định.

### c) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Sở đã chỉ đạo triển khai cập nhật 100% hồ sơ TTHC lên Hệ thống thông tin một cửa điện tử, tổ chức triển khai hiệu quả việc đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo đúng mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục theo dõi, tham gia đánh giá CCHC và đo lường sự hài lòng của người dân trên phần mềm hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh.

- Hiện tại, Sở đã tham mưu trình UBND tỉnh công bố 01 quyết định phê duyệt 03 quy trình nội bộ liên thông giải quyết TTHC trong lĩnh vực Quản lý công sản.

- Quý I/2023, Sở đã tiếp nhận và giải quyết 567 hồ sơ (Trực tuyến: 491 hồ

sơ; trực tiếp: 76 hồ sơ; từ kỳ trước chuyển qua: 04 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết: 566 hồ sơ; số hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn: 01 hồ sơ; không có hồ sơ giải quyết quá hạn).

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

3.1. Rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của cơ quan và các đơn vị thuộc Sở

#### a) Tình hình triển khai các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy

Sở đã triển khai và thực hiện đầy đủ các quy định về tổ chức bộ máy. Các phòng và đơn vị đã bám sát chức năng nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện công tác chuyên môn theo đúng thẩm quyền, tham mưu với Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện tốt các công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của Sở

#### b) Tình hình triển khai thực hiện quy chế của cơ quan

Để các hoạt động của cơ quan thực hiện có nề nếp, theo đúng các quy định, Sở đã ban hành và thực hiện quy chế làm việc, nội quy cơ quan, các quy chế quản lý tài sản, chức năng nhiệm vụ của từng phòng... việc triển khai thực hiện các nội quy, quy chế luôn được Lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo và yêu cầu CBCCVC và người lao động cơ quan thực hiện nghiêm túc đồng thời thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung các nội quy, quy chế theo quy định.

#### c) Quản lý và sử dụng biên chế công chức, viên chức:

Thực hiện rà soát, sắp xếp tinh gọn bộ máy, bố trí cán bộ công chức hợp lý, phù hợp với chuyên môn góp phần phát huy tính chủ động, sáng tạo của CBCCVC, thực hiện chế độ chính sách cho CBCCVC kịp thời, đúng quy định. Số lượng phòng, đơn vị: Văn phòng, Thanh tra Sở, Trung tâm Tin học và Dịch vụ Tài chính công và 04 phòng chuyên môn nghiệp. Đến thời điểm báo cáo, Sở có 49 công chức, 18 viên chức, 05 lao động theo Nghị định 161.

### 3.2. Thực hiện phân cấp quản lý cán bộ

- Tiếp tục rà soát thực hiện phân cấp quản lý về tổ chức và biên chế theo đúng quy định. Hiện nay, phân công nhiệm vụ của Lãnh đạo Sở được quy định tại văn bản số 1888/TB-STC ngày 07/6/2022; Sở cũng đã ban hành các quy định phân công nhiệm vụ tới từng CBCCVC đảm bảo rõ ràng không có sự chồng chéo về chức năng nhiệm vụ của từng phòng, từng CBCCVC trong cơ quan.

- Sở Tài chính thực hiện đúng các quy định về quản lý CBCCVC; tuyển dụng, sử dụng công chức, viên chức; các quy định về sử dụng, bổ nhiệm, khen thưởng và các chế độ chính sách khác liên quan đến CBCCVC và người lao động.

### **4. Cải cách chế độ công vụ**

#### a) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức

Quý I/2023, Sở đã hoàn thành theo trình tự, hồ sơ, thủ tục công tác xét tuyển và tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp theo quy định. Thực hiện quy trình tiếp nhận theo Quyết định số 28/QĐ-STC ngày 31/01/2023 của Giám đốc Sở Tài chính về việc tiếp nhận viên chức trúng tuyển.

b) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

Căn cứ các quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ, Quý I/2022, Sở đã triển khai lấy phiếu bổ nhiệm mới đối với 01 Phó Chánh Văn phòng Sở và 01 Phó trưởng phòng Quản lý giá, công sản và Tài chính Doanh nghiệp.

c) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức

Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở quán triệt CBCCVC và người lao động thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TU ngày 28/02/2022 về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở, nghiêm túc chấp hành kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm thực thi công vụ, thái độ giao tiếp, ứng xử, phục vụ nhân dân; Công văn số 276/UBND-TH ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính và xây dựng văn hóa công sở. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công sở. Quý I/2023, không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc cơ chế tự chủ, luôn đề cao tinh thần tiết kiệm, sử dụng ngân sách có hiệu quả, đúng mục đích theo tinh thần của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP và Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Việc mua sắm tài sản nhà nước đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện công bố công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2023 của Sở Tài chính theo đúng quy định của Luật ngân sách.

- Giám sát, kiểm tra thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ đúng theo quy định.

### **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

- Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 420/KH-STC ngày 15/02/2023 về triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia năm 2023; Kế hoạch số 4360/KH-STC ngày 23/11/2022 về Chuyển đổi số năm 2023 theo kế hoạch của UBND tỉnh.

- Sở đã tổ chức quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện đăng ký, sử dụng hình thức xác thực bằng tài khoản định danh điện tử theo Nghị định số 59/2022/NĐ-CP.

- Tiếp tục chỉ đạo tăng cường, nâng cao hiệu quả khai thác các phần mềm ứng dụng CNTT vào trong công việc, tăng cường sử dụng: hệ thống quản lý văn bản và điều hành; hệ thống thông tin báo cáo định kỳ về tình hình KT-XH phục vụ sự chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh; hệ thống thư điện tử công vụ; sử dụng chữ ký số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp trong việc ký số văn bản để đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên môi trường mạng, hệ thống thông tin điện tử một cửa điện tử của tỉnh...

- Tiếp tục nâng cao cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC. Hiện tại, tỷ lệ DVCTT mức độ 4 do Sở Tài chính ban hành, cung cấp đạt tỷ lệ 55%.

- Trang thông tin điện tử của Sở luôn thường xuyên rà soát, cập nhật kịp thời tin tức và cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phục vụ cho việc khai thác thông tin của tổ chức cá nhân.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Lãnh đạo Sở thường xuyên kiểm tra, giám sát, chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc việc thực hiện CCHC; phổ biến, cụ thể hoá kịp thời các chủ trương, văn bản pháp luật về công tác CCHC đến từng CBCCVC và người lao động trong thực thi nhiệm vụ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý góp phần tích cực vào việc giảm bớt phiền hà trong giải quyết công việc của công dân, tổ chức và doanh nghiệp.

Chất lượng giải quyết TTHC được nâng cao. Cơ chế một cửa tiếp tục được duy trì, mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức. Đã tăng cường đánh giá mức độ hài lòng của công dân, tổ chức, lấy đó làm thước đo về chất lượng phục vụ của cơ quan.

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II NĂM 2023**

1. Tham mưu UBND tỉnh công bố 18 TTHC theo các Quyết định công bố của Bộ Tài chính nhưng chưa được chuẩn hóa tại địa phương.

2. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát TTHC nội bộ sau khi được công bố lần đầu.

3. Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2023 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 1582/KH-UBND ngày 04/9/2020 về số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 3013/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Bộ chỉ tiêu tổng hợp và Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1107/KH-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong TTHC theo Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị định số 107/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và các văn bản pháp luật, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Văn phòng UBND tỉnh về công tác cải cách TTHC.

4. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác CCHC lên Trang thông tin điện tử của Sở.

5. Tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016

của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích.

*(Kèm theo các Biểu mẫu).*

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC Quý I/2023 và phương hướng, nhiệm vụ Quý II/2023, Sở Tài chính báo cáo Sở Nội vụ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Website Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Mạnh Cường**

**BIỂU MẪU 1****Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>7</b>
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC (Quý I/2023</b>	<b>%</b>	<b>27%</b>
2.1.	Số nhiệm vụ trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	33
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	9
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>		
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan	
3.2.	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện quan kiểm tra	Vấn đề	
3.3.2.	Số vấn đề đã xử lý xong	Vấn đề	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>		
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	
4.2.	Số cơ quan, đơn vị đã hoàn thành kết luận thanh tra	%	
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>		
5.1.	Số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	26
5.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	10
5.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0
5.4.	Số nhiệm vụ đã quá hạn chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	<b>Có=1; Không=0</b>	<b>1</b>
6.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Phiếu	10
6.2.	Hình thức khảo sát		Phát phiếu trực tiếp
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	<b>Không = 0 Có = 1</b>	<b>0</b>



**BIỂU MẪU 2**  
**Cải cách thể chế**

*(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành</b>	<b>Văn bản</b>	<b>1</b>
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	1
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>		
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	

**BIỂU MẪU 3**  
**Cải cách thủ tục hành chính**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)</b>		
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	48
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>27</i>
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>21</i>
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>0</i>
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>		
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	22
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	0
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>		
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>566</i>
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>566</i>
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>0</i>
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	

**BIỂU MẪU 4**  
**Cải cách tổ chức bộ máy**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>		
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	1
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	
<b>2.</b>	<b>Biên chế công chức</b>		
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	54
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	49
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	3
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại đơn vị sự nghiệp công lập</b>		
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	10
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	10
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	10%

**BIỂU MẪU 5****Cải cách chế độ công vụ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm công chức, viên chức</b>		
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>		
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	1
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0
<b>3.</b>	<b>Số lượng lãnh đạo, quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (từ đầu năm đến nay)</b>		0
<b>4.</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>		
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0

**BIỂU MẪU 6****Cải cách tài chính công***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	<b>%</b>	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>		
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	1
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	1
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	0
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0

**BIỂU MẪU 7****Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số***(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC, ngày tháng năm 2023 của Sở Tài chính)*

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
<b>1.</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành=1	0
<b>2.</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	0
<b>3.</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100%
<b>4.</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành=2	1
<b>5.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>		
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100%
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	
5.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100%
5.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	
5.2.3.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		
5.3.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	100%
5.3.2.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
5.3.3.	<i>Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		
6.4.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến	%	

<b>TT</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số liệu</b>
	mức độ 3		
6.4.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.4.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	
6.5.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	55%
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.5.2.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.5.3.	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	1
6.6.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	93%
6.6.1.	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.6.2.	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	13
6.7.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	87%
6.7.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	567
6.7.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	491
6.8.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0
6.8.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	0
6.8.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	0